

Số: 479 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 92/TTr-SNN ngày 09/6/2022 về việc đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về "Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025".

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

1. Các sở, ngành liên quan căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, theo chức năng quản lý nhà nước ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và một số chỉ tiêu xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề mới phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên cơ sở các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và nội dung một số chỉ tiêu xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025: Chủ động chỉ đạo triển khai đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã và nhân dân biết, thực hiện.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao cho các xã trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định hiện hành.

3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và các sở, ngành có liên quan hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn để đảm bảo phát triển bền vững.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
 - BCĐ các CTMTQG TW;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Các PCVP UBND tỉnh;
 - Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - Trưởng Phòng KT, THCB&KSTTHC;
 - Lưu VT.
- (báo cáo)

Nguyễn Thế Giang

Phụ lục I**MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ NÔNG THÔN MỚI
TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
1	Tiêu chí số 2: Giao thông	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥70% được cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥65% được cứng hóa
2	Tiêu chí số 3: Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới chủ động	≥80%
3	Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt
4	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đáp ứng theo thứ tự ưu tiên các nội dung đánh giá sau ¹ :	
		7.1. Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch phát triển và đạt chuẩn theo quy định.	Đạt
		7.2. Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng tổng hợp đạt chuẩn theo quy định.	Đạt
5	Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥75%

¹ Thứ tự ưu tiên được hiểu là: Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch đã được xây dựng thì bắt buộc đánh giá theo nội dung “7.1”; trường hợp không có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch thì đánh giá theo nội dung “7.2”. Xã không thực hiện đánh giá tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi: Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch nhưng chưa xây dựng hoặc không có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch, đồng thời không có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng tổng hợp.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
6	Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Có vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương trở lên gắn với truy xuất nguồn gốc	≥ 1
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt
7	Tiêu chí số 16: Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 80\%$
8	Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm	17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Có vị trí nghĩa trang phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang; ban hành quy chế quản lý nghĩa trang	Đạt
9	Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt

Phụ lục II**MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 479 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
1	Tiêu chí số 1: Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt
2	Tiêu chí số 2: Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn: Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥50%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥80%
3	Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.3. Có ít nhất một loại cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥5%
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
4	Tiêu chí số 5: Giáo dục	5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền khi đáp ứng ít nhất một trong hai nội dung đánh giá sau:	Đạt
		5.6.1. Khu sân chơi tại trường chính, điểm lẻ trường mầm non có mái che để đảm bảo hoạt động vui chơi, rèn luyện thể chất cho trẻ	Đạt
		5.6.2. Có tối thiểu 01 trường (tiểu học, THCS hoặc TH&THCS) có bể bơi để phục vụ việc dạy bơi, rèn luyện kỹ năng bơi cho học sinh	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
5	Tiêu chí số 6: Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	$\geq 85\%$
6	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn ¹	Có chợ nông thôn đáp ứng tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới theo quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt
7	Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông	8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: Đảm bảo năng lực hạ tầng truyền dẫn để đáp ứng yêu cầu phát triển nông thôn và có ít nhất 01 điểm phát wifi miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân tại các điểm công cộng (nhà văn hóa thôn, nhà văn hóa xã, trụ sở UBND cấp xã,...)	Đạt
8	Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 90\%$
9	Tiêu chí số 12: Lao động	12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản trên tổng số lao động có việc làm trên địa bàn	$\leq 42\%$
10	Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 3 sao
		13.4. Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã được ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc	≥ 1
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$
		13.6. Có vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã có hợp đồng liên kết sản xuất được cấp mã vùng	≥ 1
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt

¹ Xã không thực hiện đánh giá tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi: Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch nhưng chưa xây dựng hoặc không có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
11	Tiêu chí số 15: Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
12	Tiêu chí số 17: Môi trường	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Có vị trí nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và ban hành quy chế quản lý theo quy định	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$
13	Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%
14	Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt